**Mẫu số 09/PLIII**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP** (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........, ngày..... tháng...... năm.......* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...  - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương... |

...(1)... Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động 6 tháng đầu năm..... (hoặc năm....) như sau:

Loại hình chủ sở hữu: (2) ⬜ Doanh nghiệp nhà nước ⬜ Doanh nghiệp tư nhân ⬜ Doanh nghiệp FDI

**1. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp cho thuê lại**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đầu kỳ** | **Tăng trong kỳ** | **Giảm trong kỳ** | **Cuối kỳ** | **Số lao động tham gia bảo hiểm bắt buộc (người) (3)** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Tổng số lao động theo hợp đồng lao động của doanh nghiệp, trong đó: |  |  |  |  |  |  |
| a) Số lao động làm việc tại doanh nghiệp cho thuê lại (4), chia ra: |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| - Số lao động có hợp đồng lao động xác định thời hạn |  |  |  |  |  |  |
| b) Số lao động cho thuê lại, chia ra: |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại dưới 03 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 03 tháng đến dưới 06 tháng |  |  |  |  |  |  |
| - Thời hạn cho thuê lại từ 06 tháng đến 12 tháng |  |  |  |  |  |  |
| 2. Số lao động đang cho thuê lại của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |
| - Trong địa bàn tỉnh |  |  |  |  |  |  |
| - Ngoài địa bàn tỉnh |  |  |  |  |  |  |

**2. Tình hình hoạt động cho thuê lại lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc cho thuê lại**(5) | **Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động** (6) | | **Số lao động thuê lại (người)** | | **Số lao động theo thời hạn cho thuê lại lao động (người)** | | | **Các chế độ của người lao động**  **thuê lại** | | | **Ghi chú** |
| **Trong địa bàn tỉnh** | **Ngoài địa bàn tỉnh** | **Trong địa bàn tỉnh** | **Ngoài địa bàn tỉnh** | **Dưới 6 tháng** | **Từ 6 - 12 tháng** | **Khác** | **Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)** | **Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)** | **Chế độ phúc lợi** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  | **ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP**(8)  *(Chữ ký, dấu)*  **Họ và tên** |

***Ghi chú:***

(1) Tên doanh nghiệp thực hiện báo cáo.

(2) Đánh dấu X vào ô tương ứng với loại hình chủ sở hữu của doanh nghiệp thực hiện báo cáo.

(3) Số lao động được tham gia bảo hiểm bắt buộc: bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(4) Số lao động cho thuê và các loại lao động khác.

(5) Liệt kê công việc cho thuê lại lao động.

(6) Số lượng doanh nghiệp thuê lại lao động để thực hiện công việc đã liệt kê tại cột II.

(7) Tên các loại phúc lợi mà người lao động thuê lại được hưởng, ví dụ: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm xã hội tự nguyện, tiền lễ, tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, các loại dịch vụ người lao động thuê lại được hưởng.....

(8) Chức danh người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.